

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HS-ST
Ngày 21- 3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung.
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Ông Phạm Anh Ly, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường A Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXHS-ST ngày 26/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, (tên gọi khác: Mười hai) sinh năm 1972 tại Bình Dương; thường trú: đường D, khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và con bà Đặng Thị D (đã chết); có vợ tên Huỳnh Ngọc C, sinh năm: 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt.

2. Huỳnh Quốc V, sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: khu phố B, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1958 và con bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Lâm Thị Thúy A, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có

Nhân thân: Ngày 12/10/2012 Toà án nhân dân thị xã Dĩ An) nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 03 năm 10 tháng 16 ngày, về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số 329

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt.

3. Võ Hoàng H, sinh năm 1999 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố Đ, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Võ Văn T, sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1971. Bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là thứ 3. Tiền sự: Không có

Tiền án: Ngày 10/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xử phạt 03 năm 3 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số 289, ngày 21/08/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù .

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt.

4. Trần Ngọc T, sinh năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính : Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Ngọc D, sinh năm 1975 và con bà Dương Thị H, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt .

5. Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 và con bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1975; bị cáo có 02 anh em ruột; tiền sự: Không có

Tiền án:

+ Ngày 22/7/2015 Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, theo bản án số 236. Ngày 01/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù .

+ Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, theo bản án số 289, ngày 29/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù

Nhân thân: Ngày 03/4/2013, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 22 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”, theo bản án số 102, ngày chấp hành xong hình phạt tù 30/8/2014

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt.

6. Nguyễn Trung T1, sinh năm 1996 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp H, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 và con bà Dương Thị Thanh T, sinh năm 1969. Bị cáo có vợ tên

Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1997 và có 02 con sinh năm 2017 và năm 2022. Tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2021.

Nhân thân:

+ Ngày 25/3/2015, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2015.

+ Ngày 27/3/2017 Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quyết định số 0017111 (đóng phạt ngày 27/3/2017)

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 30/6/2022, có mặt

7. Lê Hồng V, sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Bình; thường trú: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: đường N, khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: thợ sửa điện nước; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn L, sinh năm 1948 và con bà Đinh Thị T, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Đỗ Thị T, sinh năm 1986 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 29/11/2021, có mặt

8. Lê Hồng K, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình; thường trú: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn L, sinh năm 1948 và con bà Đinh Thị T, sinh năm 1955; bị cáo có 04 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo ra đầu thú bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt.

9. Phan Thanh H1, sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố Phú, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Thanh V, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; bị cáo có vợ tên Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 29/4/2022 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt.

10. Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1997 tại Hà Nội; thường trú: khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; con ông (không rõ) và con bà Phan Minh C, sinh năm 1963. Bị cáo

có vợ Trương Kim Thanh T, sinh năm 1999 và có 02 con sinh năm 2020 và năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 28/01/2022 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt

11. Trần Anh T2, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; thường trú: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: 14 tổ 2, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; bị cáo có vợ tên Ngô Thị Việt H, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 19/3/2022 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt

12. Phùng Thanh T3 (tên gọi khác: Nhí), sinh năm 1989 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 01/12; con ông Phùng Thanh T và con bà Nguyễn Thị Kim B. Bị cáo có 04 anh em ruột. Tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 02/06/2011, Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án 80. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/01/2012, bị cáo chưa đóng án phí.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021, có mặt

13. Lại Huỳnh Đ1, sinh năm 1996 tại tỉnh Thái Bình; thường trú: khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Lại Phúc S, sinh năm 1975 và con bà Hà Thị D, sinh năm 1977. Bị cáo có vợ tên Dương Ngọc A, sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2021

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 18/01/2022 được thay thế tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt

14. Dương Văn K1, sinh năm 2002 tại tỉnh Thái Nguyên; thường trú: Xóm T, xã L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Dương Văn G. Sinh năm 1976 và con bà Vũ Thị H, sinh năm 1979. Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là thứ 2; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 05/01/2023 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt

15. Mạc Đăng X, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: đường X, khu phố B, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; con ông Mạc Đăng D và con bà Trương Thị H. Sinh năm: Không rõ. Bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 18/01/2010, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số , bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2011.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 21/6/2022 cho đến nay, có mặt.

16. Trần Kim B, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Khu phố X, phường V, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đỗ Thanh T và con bà Trần Thị H, sinh năm 1977. Bị cáo có 03 anh em ruột; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 21/02/2022 cho đến nay, có mặt

17. Nguyễn Trung H2, sinh năm 2001 tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1977. Bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là lớn nhất; tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù 01 năm 09 tháng tại bản án số 95/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) thành hình phạt chung của hai bản án là 4 năm 3 tháng tù, theo bản án số 289; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2021.

Nhân thân: Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số 292, bị cáo chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2023. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Xuân Lộc (phân trại K4), tỉnh Đồng Nai, bị cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bào chữa: Ông Nguyễn Duy B - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Duy - Trình bào chữa cho bị cáo Lê Hồng V và Lê Hồng K (ông B có mặt từ khi xét xử đến khi bào chữa xong cho bị cáo V, K. Xin vắng mặt khi tranh tụng đối đáp với đại diện Viện kiểm sát, vắng mặt khi tuyên án).

Bị hại :

1. Lê Hồng V, sinh năm 1987; tạm trú: N, khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Nguyễn Trung T1, sinh năm 1996; tạm trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Trần Kim B, sinh năm 2000; thường trú: Khu phố Z, phường V, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận, có mặt.

4. Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1997; thường trú: khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trương Kim Thanh T4; sinh năm 1999; thường trú: khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1948; thường trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Ninh Bình, có mặt

3. Bà Đỗ Thị T5, sinh năm 1986; tạm trú: Khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt

Người làm chứng: Anh Nguyễn Chí D, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 29/10/2021, Nguyễn Văn L sau khi uống rượu đi xe mô tô đến tiệm tạp hóa địa chỉ khu phố T, phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (tiệm của Lê Hồng V và vợ là Đỗ Thị T) để mua thuốc lá. Tại đây, Nguyễn Văn L có lời nói gây mâu thuẫn với chị T như hăm dọa đòi đập phá tiệm. Nguyễn Văn L net xô ga xe mô tô đâm vào cột dựng tấm bạt của tiệm tạp hóa. Lúc này Lê Hồng V từ trong tiệm chạy ra đẩy ngã xe của Nguyễn Văn L. Nguyễn Văn L, Lê Hồng V cự cãi nhau, thách thức đánh nhau. Chị T điện thoại báo cho Lê Hồng K (em ruột V) biết sự việc có người đến quấy phá tiệm tạp hóa, khi chị T điện thoại Lê Hồng K đang ngồi ăn uống cùng với Phan Thanh H, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành Đ và Lại Huỳnh Đ tại nhà của Đ. Lê Hồng K rủ Phan Thanh H chạy về tiệm tạp hóa của chị T xem tình hình như thế nào, trên đường đi Phan Thanh H điện thoại rủ bị cáo Dương Văn K đến hỗ trợ cho Lê Hồng K.

Khi Lê Hồng V, Nguyễn Văn L cãi nhau, Huỳnh Quốc V (em vợ L) chở Huỳnh Ngọc C (vợ của L) đi qua, Huỳnh Quốc V dừng xe đi đến chỗ Nguyễn Văn L, lúc này Lê Hồng K, Phan Thanh H, Dương Văn K chạy xe đến. Lê Hồng V, Lê Hồng K, Phan Thanh H và Dương Văn K cãi nhau, thách thức nói qua lại với Nguyễn Văn L và Huỳnh Quốc V nhưng được hàng xóm ở gần can ngăn rồi tất cả cùng về.

Lê Hồng K, Phan Thanh H, Dương Văn K đi xe về lại nhà của Nguyễn Thành Đ ăn uống, quá trình ăn uống có Trần Anh T đến tham gia.

Khi Nguyễn Văn L về nhà đã nói với Huỳnh Quốc V “gọi thêm người đến hỗ trợ, tìm nhóm của Lê Hồng V đánh”. Huỳnh Quốc V điện thoại rủ Nguyễn Hoàng M, Mạc Đăng X, Nguyễn Trung T đến hỗ trợ đánh nhóm của Lê Hồng V. Sau đó Nguyễn Hoàng M điện thoại rủ Võ Hoàng H, Võ Hoàng H điện thoại rủ Trần Ngọc T, Nguyễn Trung T điện thoại rủ Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung H điện thoại rủ Trần Kim B đến hỗ trợ Huỳnh Quốc V, Nguyễn Văn L đánh nhau và hẹn gặp nhau tại nhà Nguyễn Văn L.

Tại nhà Nguyễn Văn L gồm Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Hoàng M, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Nguyễn Trung H, Trần Kim B và một số người khác (chưa rõ lai lịch, không xác định ai rủ đèn). Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V kể lại việc mâu thuẫn với Lê Hồng V cho tất cả nghe rồi rủ cả nhóm đi đánh nhóm của Lê Hồng V. Nguyễn Văn L chỉ cho nhóm biết nơi để túp sắt, gây tầm vông xung quanh nhà mình để cầm mang theo.

Sau đó, Huỳnh Quốc V mang theo túp sắt, gạch ống điều khiển xe Dream biển số 61F6-34xx; Võ Hoàng H điều khiển xe Sirius biển số 83P3-222.xx chở Trần Ngọc T cầm theo cục gạch ống; Mạc Đăng X, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T, Trần Kim B và một số người khác (chưa rõ lai lịch) chạy xe mô tô mang theo túp sắt, gây tầm vông di chuyển đến tiệm tạp hóa của Lê Hồng V và chị T. Khi đến không gặp ai, nhóm của Nguyễn Văn L chửi, còn Huỳnh Quốc V, Trần Ngọc T dùng gạch ném vào tiệm tạp hoá làm bể tủ kính sau đó di chuyển về nhà của Nguyễn Văn L.

Thời điểm này Lê Hồng V điện thoại cho Lê Hồng K nói tiệm tạp hoá bị ném vỡ kính (Lê Hồng K đang ngồi ăn uống cùng Phan Thanh H, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thành Đ và Lại Huỳnh Đ tại nhà của Nguyễn Thành Đ). Lê Hồng K rủ Phan Thanh H cùng chạy về trước xem tình hình và nói Nguyễn Thành Đ và anh em chạy qua hỗ trợ sau. Nguyễn Thành H điện thoại rủ Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K mang theo hung khí đến hỗ trợ đánh nhóm Nguyễn Văn L. Nguyễn Thành Đ rủ thêm Phùng Thanh T, Trần Anh T và Nguyễn Đức L đi đến tiệm tạp hoá của Lê Hồng V để hỗ trợ Lê Hồng K. Sau đó Trần Anh T điều khiển xe Future biển số 59Y3-667.xx chở Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thành Đ cầm theo 01 đoạn túp sắt dài khoảng 40 cm. Phùng Thanh T điều khiển xe SH 150I biển số 59X3-455.xx chở Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức L cầm 01 búa đinh dài khoảng 20cm đi đến chỗ tiệm tạp hoá của Lê Hồng V.

Khi Lê Hồng K, Phan Thanh H về đến tiệm tạp hóa gặp Lê Hồng V và chị T hỏi, cùng lúc này Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phùng Thanh T và Nguyễn Đức L cũng đến và dừng xe trước cửa tiệm tạp hóa. Lúc này Phùng Thanh T, Nguyễn Đức L thấy nhóm người của Nguyễn Văn L gần đó đang vẩy tay Nguyễn Đức L hô “tụi nó kia”, Phùng Thanh T tăng ga chở Nguyễn Đức L ngồi sau cầm 01 cái búa đinh chạy đến nhóm Nguyễn Văn L. Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T điều khiển xe mô tô cầm theo túp sắt chạy theo. Sau đó Lê Hồng K cầm 01 con dao chặt dừa bằng kim loại dài khoảng 30 cm và 01 cái xẻng dài khoảng 60 cm, Lê Hồng V cầm 01 cái cưa dài khoảng 50 cm (lưỡi cưa bằng kim loại) từ trong tiệm tạp hóa chạy bộ theo hướng mà Phùng Thanh T, Nguyễn Đức L chạy lên nhóm Nguyễn Văn L.

Thấy nhóm của Lê Hồng V chạy đến lúc này nhóm của Nguyễn Văn L gồm Huỳnh Quốc V, Nguyễn Trung T, Nguyễn Hoàng M, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X, Võ Hoàng H, Nguyễn Trung H, Trần Kim B và khoảng 10 người (chưa rõ lai lịch) cầm hung khí chờ sẵn từ trong hẻm chạy ra, Phùng Thanh T, Nguyễn Đức L chạy xe mô tô đến tự ngã xe, Phùng Thanh T, Nguyễn Đức L bỏ xe chạy

ngược lại, nhóm Lê Hồng V lúc này có thêm Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thành Đ chạy đến chỗ nhóm Nguyễn Văn L khi chưa chạy đến nơi thấy nhóm Nguyễn Văn L đông quá thấy vậy chạy ngược lại quán tạp hoá, trong khi chạy Lê Hồng V giật lấy xẻng từ Lê Hồng K. Khi bỏ chạy về lại quán tạp hoá Lê Hồng V bị Nguyễn Trung T dùng kiếm chém vào tay, Lê Hồng V dùng xẻng đập vào trán Nguyễn Trung T. Trần Kim B chạy xe mô tô đuổi theo Lê Hồng K, khi Lê Hồng K chạy vào tiệm tạp hoá đóng cửa lại thì Trần Kim B dùng xe mô tô đâm vào tiệm tạp hoá, Lê Hồng K ở bên trong cầm dao chém vào tay Trần Kim B.

Thời điểm này nhóm Lê Hồng V và Nguyễn Văn L khoảng 30 người, có người chạy bộ, có người chạy xe mô tô mang theo tuýp sắt, kiếm, dao tự chế, xẻng, lưỡi cưa, gậy tầm vông, gạch đá rượt đuổi đánh nhau ngoài đường.

Đối với xe mô tô mà Phùng Thanh T, Nguyễn Đức L bỏ lại thì bị Huỳnh Quốc V, Nguyễn Hoàng M, Trần Ngọc T, Võ Hoàng H, Mạc Đăng X và Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung H dùng tuýp sắt, mã tấu, gậy tầm vông, gạch đá đập xe gây hư hỏng.

Về phía Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ chạy xe bỏ chạy, Phan Thanh H chở Nguyễn Thành Đ chạy về nhà lấy 01 cây súng điện, 01 bình xịt hơi cay chạy ngược ra tìm nhóm Nguyễn Văn L. Sau khi chém Trần Kim B, Lê Hồng K ở tiệm tạp hoá thời gian ngắn rồi chạy về nhà mình lấy 01 cây kiếm nhật để tìm nhóm của Nguyễn Văn L.

Đối với Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ được Phan Thanh H điện thoại rủ đến hỗ trợ. Dương Văn K điều khiển xe hiệu Piaggio Vespa biển số 61C1-833.xx mang theo 02 con dao tự chế dài khoảng 40 cm, Lại Huỳnh Đ nhờ anh Nguyễn Chí D chở đến tiệm tạp hóa K của Lê Hồng V để hỗ trợ đánh nhóm Nguyễn Văn L (Lại Huỳnh Đ không nói cho Nguyễn Chí D biết việc đi hỗ trợ đánh nhau). Khi Lại Huỳnh Đ đến đầu đường T gặp Dương Văn K. Sau đó Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ gặp Lê Hồng V đang đi bộ trên Quốc lộ 1K tay chảy máu. Lúc này Nguyễn Chí D chở Lê Hồng V về nhà cha mẹ của V để băng bó vết thương, Lê Hồng V đưa cho Lại Huỳnh Đ cây xẻng. Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K để xẻng, 02 con dao tự chế trên ba ga xe biển số 61C1-833.xx. Lại Huỳnh Đ điện thoại cho Phan Thanh H hỏi “đang ở đâu để đến”, Phan Thanh H nói “đang ở đường T”, Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K điều khiển xe chạy đến thì gặp Phan Thanh H điều khiển xe hiệu Honda Clik biển số 61D1-755.xx chở Nguyễn Thành Đ mang theo 01 cây súng điện, 01 bình xịt hơi cay quay lại để đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn L. Lúc này Công an phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An nhận tin báo đã đến hiện trường bắt giữ được Lại Huỳnh Đ, Phan Thanh H và Nguyễn Thành Đ, những người còn lại của nhóm Nguyễn Văn L, nhóm Lê Hồng V chạy thoát.

Ngày 30/10/2021, Lê Hồng K, Dương Văn Kiên, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Hoàng M, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Trần Kim B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đầu thú.

Bản kết luận giám định số 513/2021/GDPY ngày 25/11/2021 của Trung tâm pháp y- sở y tế tỉnh Bình Dương xác định thương tích của Lê Hồng V như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương 1/3 giữa mặt sau trong cẳng tay trái 11x 0,3 cm, đứt gân cơ gấp cổ tay trụ, gân cơ gấp ngón 4,5 đã phẫu thuật khâu nối gân cơ, sẹo lành. Vết thương 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái 4,5x 0,2cm, đứt gân duỗi cổ tay trụ đã khâu nối gân cơ, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Hồng V 03%.

3. Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương 1/3 giữa mặt sau trong cẳng tay trái, đứt gân cơ gấp cổ tay trụ, gân cơ gấp ngón 4,5: Chiều nằm ngang, hướng từ phải sang trái chệch từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

- Vết thương 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái, đứt gân duỗi cổ tay trụ trái: Chiều nằm chệch lệch 30 từ trái sang phải, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Bản kết luận giám định số 01/2022/GDPY ngày 03/01/2022 của Trung tâm pháp y- sở y tế tỉnh Bình Dương xác định thương tích của Trần Kim B như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay trái 9,5 x 0,2 cm, đứt gân cơ duỗi ngón 2, 3, 4 5, gãy 1/3 dưới xương trụ trái, đã phẫu thuật nối gân, kết hợp xương trụ trái, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Trần Kim B 12%.

3. Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay trái 9,5 x 0,2 cm, đứt gân cơ duỗi ngón 2, 3, 4 5, gãy 1/3 dưới xương trụ trái: Sẹo chiều nằm chệch xuống khoảng 450 độ từ trái sang phải, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Bản kết luận giám định số 512/2022/GDPY ngày 18/7/2022 của Trung tâm pháp y - sở y tế tỉnh Bình Dương xác định thương tích của Nguyễn Trung T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương trán 05 x 0,2 cm, nứt thành trước xoang trán, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Trung T 10%.

Kết luận định giá tài sản số 174 ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xác định: Trị giá tài sản của Lê Hồng V và chị Đỗ Thị T bị thiệt hại:

+ Tấm kính dày 4mm, kích thước 2m x 1,5m trị giá 1.260.000 đồng; tấm kính dày 4mm, kích thước 1m x 0,8m trị giá 420.000 đồng. Tổng trị giá 1.680.000 đồng.

Trị giá các phụ kiện của xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i biển số 59X3-455.xx bị hư hỏng gồm: Bộ đồng hồ xe SH 150i trị giá 2.800.000 đồng; bộ ốp nhựa xe SH 150i trị giá 3.300.000 đồng; đèn xi nhan phía sau bên phải của xe SH 150i trị giá 1.200.000 đồng; đuôi dè sau của xe SH 150i trị giá 90.000 đồng; mặt nạ trước của xe SH 150I trị giá 300.000 đồng; đèn đuôi của xe SH 150i trị giá 1.300.000 đồng. Tổng thiệt hại 8.990.000 đồng.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx màu trắng trị giá 81.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 lưỡi kiếm tự chế bằng kim loại dài 40 cm bị gãy; 01 cán kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 vỏ kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 cây xẻng bằng sắt dài 70 cm cán màu đen; 02 con dao tự chế (dao mèo) lưỡi bằng kim loại dài 40 cm cán nhựa màu trắng; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 30 cm cán bằng sắt; 01 cái cưa cán bằng nhựa màu vàng đen (bị gãy) dài 50 cm; 01 cây mã tấu dài 70 cm cán bằng sắt; 01 cây kiếm nhật lưỡi bằng kim loại dài 80 cm cán bằng nhựa màu đen; 01 con dao loại dao chặt dừa, cán bằng sắt dài khoảng 30 cm; 01 cây gậy 03 khúc, 02 tuýp sắt dài khoảng 60 cm, 01 tuýp sắt dài khoảng 40 cm; nhiều mảnh kính vỡ; 04 cục gạch ống; 01 khẩu súng điện và 02 viên đạn điện;

+ 01 xe nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx màu trắng (đã bị hư hỏng của Nguyễn Thành Đ), cùng nhiều mảnh nhựa bị vỡ của xe SH 150i biển số 59X3-455.xx; 01 xe Vespa biển số 61C1-833.xx;

+ 01 điện thoại Iphone X Max màu trắng (bị vỡ màn hình), số điện thoại 032.5690.xxx (của Lại Huỳnh Đ); 01 điện thoại Trung Quốc hiệu Vertu, số điện thoại 079.788.7xxx của Dương Văn K; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, số điện thoại 0345.671.xxx của Phan Thanh H. 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xanh, số điện thoại 0903.065.xxx của Mạc Đăng X. 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xám, số điện thoại 0909.636.xxx của Huỳnh Quốc V.

+ 15.000.000 đồng gia đình Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V nộp bồi thường thiệt hại xe cho Nguyễn Thành Đ, bồi thường tiền thuốc cho Lê Hồng V.

Đối với Nguyễn Đức L đã bỏ trốn (ngày 26/2/2024 ra đầu thú), đã bị khởi tố tách giải quyết sau.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Hồng V, Nguyễn Trung T không yêu cầu bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra. Nguyễn Thành Đ, Trương Kim Thanh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại xe nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx bị hư hỏng.

Lê Hồng V, chị Đỗ Thị T không yêu cầu bồi thường tử kiếng bị đập vỡ.

Trần Kim B đồng ý việc các bị cáo bồi thường số tiền: Lê Hồng K 10.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thành Đ 3.000.000 đồng; Trần Anh T 2.000.000 đồng; Phan Thanh H 2.000.000 đồng.

Tại phiên toà Lê Hồng V, Nguyễn Trung T rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 72/CT – VKS ngày 31 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo

+ Nguyễn Văn L; Trần Kim B về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt Bộ luật hình sự)

+ Nguyễn Trung T; Võ Hoàng H; Trần Ngọc T; Mạc Đăng X; Huỳnh Quốc V về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 178 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự .

+ Nguyễn Hoàng M về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 134, điểm g khoản 2 Điều 178 và điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

+ Lê Hồng K, Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

+ Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Hồng V, Nguyễn Trung T rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 155, 282 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ vụ án về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Kim B, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, đồng thời giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

+ Điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”

+ Điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V từ 07 tháng đến 09 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt tù 03 năm 01 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

+ Điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Hoàng H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Hoàng H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 01 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Điểm d khoản 2 Điều 134; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Điểm g khoản 2 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung từ 07 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng V từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 và điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Thanh T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lại Huỳnh Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mạc Đăng X từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mạc Đăng X từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo X phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 01 tháng đến 03 năm 09 tháng tù

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Kim B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Khoản 1 Điều 178; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bản án số 292 ngày 8/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Dĩ An đối với bị cáo H.

Các biện pháp tư pháp

+ Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy vật chứng tghu giữ sử dụng vào việc phạm tội: 01 lưỡi kiếm tự chế bằng kim loại dài 40cm bị gãy; 01 cán kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 vỏ kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 cây xẻng bằng sắt dài 70 cm cán màu đen; 02 con dao tự chế lưỡi bằng kim loại dài 40cm cán nhựa màu trắng; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 30cm cán bằng sắt; 01 cái cưa cán bằng nhựa màu vàng đen (bị gãy) dài 50 cm;

01 cây mã tấu dài 70cm cán bằng sắt; 01 cây kiếm nhật lưỡi bằng kim loại dài 80cm cán bằng nhựa màu đen; 01 con dao loại dao chặt dừa, cán bằng sắt dài khoảng 30 cm; 01 cây gậy 03 khúc, 02 tuýp sắt dài khoảng 60 cm, 01 tuýp sắt dài khoảng 40 cm; nhiều mảnh kính vỡ; 04 cục gạch ống; 01 khẩu súng điện và 02 viên đạn; nhiều mảnh nhựa bị vỡ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx màu trắng của bị cáo Nguyễn Thành Đ.

+ 01 điện thoại Iphone X Max màu trắng (bị vỡ màn hình); 01 điện thoại Trung Quốc nhãn hiệu Vertu; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xám.

Tịch thu tiêu hủy: Các sim số điện thoại 0325.690.xxx; 0797.887.xxx ; 0345.671.xxx; 0903.065.xxx và 0909.636.xxx.

Trả lại:

+ Bị cáo Lê Hồng K 01 xe mô tô nhãn hiệu Vespa biển số 61C1-833.xx.

+ Chị Trương Kim Thanh T ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận

+ Lê Hồng V bị thương tích 3% thương tật; Nguyễn Trung T bị thương tích 10% thương tật. Tài sản thiệt hại của V và chị T. V, chị T và T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

+ Trần Kim B bị thương tích 12% thương tật. Tại phiên Toà B đồng ý nhận bồi thường số tiền các bị cáo đã nộp (bị cáo Lê Hồng K 10.000.000 đồng, bị cáo Lê Hồng V 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thành Đ 3.000.000 đồng, bị cáo Trần Anh T 2.000.000 đồng, bị cáo Phan Thanh H 2.000.000 đồng)

+ Số tiền 15.000.000 đồng gia đình bị cáo Nguyễn Văn L và Huỳnh Quốc V nộp khắc phục hậu quả bồi thường cho Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ. Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ không yêu cầu bồi thường. Đề nghị trả lại số tiền trên cho Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V.

Bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Trung T, Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K, Mạc Đăng X, Trần Kim B, không tranh luận, bào chữa cho hành vi của mình. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Luật sư Nguyễn Duy B bào chữa cho bị cáo Lê Hồng V, Lê Hồng K tóm tắt diễn biến nội dung vụ án. Tại phiên toà Nguyễn Trung T, Lê Hồng V rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Do vậy, thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát căn cứ quy định khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình sự để đình chỉ vụ án “Cố ý gây thương tích” đối với các bị cáo bị truy tố theo điểm a khoản 1 Điều

134 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Hồng V gây thương tích cho Nguyễn Trung T 10%, T rút yêu cầu khởi tố. Do vậy, Lê Hồng V cũng được áp dụng để được đình chỉ như các bị cáo khác bị truy tố theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Bởi, Lê Hồng V không có bàn bạc, kêu gọi các bị cáo khác đánh nhau, việc Lê Hồng V chạy lên nhóm phía Nguyễn Văn L để xem xét, can ngăn. Khi bị đuổi đã chạy ngược lại trốn, Lê Hồng V bị Nguyễn Trung T đánh thương tích 3%, V đánh lại T thương tích 10%. Do vậy, hành vi trên bộc phát.

Thông nhất với quan điểm truy tố bị cáo Lê Hồng K về tội “Cố ý gây thương tích” quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đưa ra là quá nghiêm khắc, không phù hợp cũng như để đánh giá toàn diện nội dung vụ án. K ban đầu chỉ là hỗ trợ để bảo vệ tinh thần cho V (cũng là em trai của mình) khi V, K thấy bên bạn mình bị rượt đuổi đánh chém, đập phá xe. K sử dụng hung khí để chống lại, tuy nhiên bên nhóm bị cáo Nguyễn Văn L đông quá, do vậy K phải chạy về trong khi đó Trần Kim B dùng xe đuổi theo K đến vào quán, vì bảo vệ tài sản của V, bảo vệ người thân mình, K mới sử dụng dao chống trả lại, K chỉ chém 01 nhát, thương tích của B là 12%, trong vụ án bị hại B cũng có 01 phần lỗi. Bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, cha bị cáo K có công với cách mạng, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do vậy, mức hình phạt đại diện viện kiểm sát đưa ra là không phù hợp, quá nghiêm khắc.

Đối với bị cáo Lê Hồng V, Cáo trạng truy tố theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn toàn thiếu chính xác. Trường hợp này nếu bị cáo V, K cùng chủ động tấn công nhóm bị cáo Nguyễn Văn L và gây thương tích cho Trần Kim B và Nguyễn Trung T thì mới có cơ sở kết luận V đồng phạm theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ở đây K, V gây thương tích cho B và T ở trong trường hợp chống cự khi bị rượt đuổi, bị chém nên hành vi của V, K là hành vi độc lập không có dấu hiệu đồng phạm. Do vậy, truy tố bị cáo V theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là không có cơ sở.

Bị cáo Lê Hồng V, Lê Hồng K không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Bởi lẽ căn cứ vào Điều 318 Bộ luật hình sự; Công văn trao đổi nghiệp vụ số 233 ngày 01/10/2019 của Toà án nhân dân Tối Cao. Mục đích của hai bên chỉ là đánh nhau, chỉ là có ý muốn gây thương tích hoặc đánh dần mặt bên kia, hai bên hoàn toàn không có mục đích gây rối trật tự công cộng như gây mất an ninh trật tự nghiêm trọng, gây ách tắc giao thông, gây cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức. Cụ thể trong trường hợp này bị cáo V và K chỉ diễn ra trong khoảng tầm ba phút vào ban đêm, tại 01 đoạn đường nhỏ, vắng người qua lại, có gây mất trật tự nhưng chưa đáng để tách ra khỏi tố tội “Gây rối trật tự công cộng” vì đã bị thu hút vào tội “Cố ý gây thương tích”. Trường hợp này nếu có chỉ đáng để xử lý hành chính. Căn cứ quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo V, K không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Bị cáo K bị tạm giam 2 năm 4 tháng 13 ngày, bị cáo V gây thương tích cho Nguyễn Trung T 10%, T đã rút yêu cầu khởi tố vụ án. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả tự do cho V, K ngay tại phiên tòa.

Bị cáo Lê Hồng K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo và các bị cáo trong nhóm của bị cáo. Về tội “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo chỉ vì bảo vệ bản thân do Trần Kim B điều khiển xe tông vào quán, bị cáo mới sử dụng dao chém. Bị cáo xin được xem xét

Bị cáo Lê Hồng V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh của bị cáo.

Lê Hồng V, Nguyễn Trung T, Trần Kim B xin được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Trương Kim Thanh T, Đỗ Thị T, Nguyễn Thành Đ xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

Trước khi hội đồng xét xử vào phòng nghị các, tất cả các bị cáo nói lời sau cùng. Xin được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

[2.1] Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Trần Kim B, Nguyễn Trung H(gọi chung nhóm bị cáo L).

Vào tối ngày 29/10/2021, bị cáo L, V, H, T, M, T, X, B và H tập trung ở nhà bị cáo L sau đó sử dụng hung khí gồm tuýp sắt, gây tầm vông, gạch...để đuổi đánh nhóm bị cáo Lê Hồng V (bao gồm Lê Hồng V, Lê Hồng Khán, Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ, Trần Anh Th, Phùng Thanh T, Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K), hậu quả làm bị hại Lê Hồng V bị thương tích 3%, hành vi trên gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội

[2.2] Các bị cáo Nguyễn Trung T, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Trung H, Nguyễn Hoàng M sử dụng gạch đá, tuýp sắt đập phá xe mô tô nhãn hiệu SH 150i biển số 59X3-455.19 của Nguyễn Thành Đ gây thiệt hại 8.990.000 đồng.

[2.3] Nhóm bị cáo Lâm còn sử dụng gạch, đá ném vào tiệm tạp hoá của Lê Hồng V gây thiệt hại 1.680.000 đồng

[2.4] Do tại phần thủ tục tranh tụng tại phiên Toà Lê Hồng V rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Trần Kim B, Nguyễn Trung H.

[2.5] Như vậy, hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Trần Kim B, Nguyễn Trung H đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

[2.6] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung T, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Trung H đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[2.7] Đối với Nguyễn Hoàng M có 02 tiền án, chưa được xoá án tích lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành các tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134; tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, điểm g khoản 2 Điều 178 và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

[2.8] Như vậy, bản Cáo trạng số 72/CT-VKS-DA ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Trần Kim B, Nguyễn Trung H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

[2.9] Truy tố các bị cáo Nguyễn Trung T, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Trung H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[2.10] Truy tố Nguyễn Hoàng M về các tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134; tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, điểm g khoản 2 Điều 178 và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự

Là có căn cứ, đúng pháp luật

[2.11] Khi biết nhóm của bị cáo Nguyễn Văn L đến gây sự, đập phá đồ đạc tại tiệm tạp hoá của mình. Bị cáo Lê Hồng V nói, điện thoại cho Lê Hồng K xuống hỗ trợ (đánh nhau) sau đó K nói Phan Thanh H, H tiếp tục rủ Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ mang theo hung khí đến tiệm tạp hoá của V hỗ trợ (đánh nhau). Sau đó nhóm của V đã cầm hung khí mang theo qua nhóm L, do nhóm L chuẩn bị hung khí trước, số lượng người đông hơn, nhóm V phải bỏ chạy, quá trình chạy V bị Nguyễn Trung T dùng kiếm chém thương tích 3%, V dùng xẻng lấy từ K trước đó đập vào trán T làm T bị thương tích 10 %. Quá trình đuổi đánh nhau Trần Kim B sử dụng xe mô tô đuổi theo K, khi K chạy vào tiệm tạp hoá của V đóng cửa lại thì B dùng xe đâm vào, K dùng dao chém B bị thương tích 12%, hành vi trên gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[2.12] Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Hồng V, Lê Hồng K, Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phùng Thanh T phạm vào các tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự . Cáo trạng số 72/CT-VKS-DA ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[2.13] Đối với Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ được Phan Thanh H rủ đến hỗ trợ (đánh nhau), các bị cáo mang theo 02 dao tự chế đi đến tiệm tạp hoá của Lê Hồng V, nhưng khi đến thì sự việc đánh nhau giữa nhóm L và V đã chấm dứt K, Đ gặp V lúc này đang bị thương tích ở tay. Nhóm V tiếp tục sử dụng hung khí (V đưa xẻng cho Đ, K cầm kiếm từ nhà, H chở Đ về nhà lấy súng bắn điện, bình xịt hơi cay quay lại tìm đánh nhau với nhóm L), sau đó K, Đ gặp H và Đ thì bị lực lượng Công an phường Đông Hoà đến bắt giữ. Hành vi trên gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[2.14] Như vậy, bản Cáo trạng số 72/CT-VKS-DA ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An truy tố các bị cáo Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật

[2.15] Quá trình toà án thụ lý đã trả hồ sơ để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo K, Đ xem xét việc đồng phạm trong vụ án “Cố ý gây thương tích”, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo K, Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do vậy, giới hạn của Việc xét xử (Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) Hội đồng xét xử xử bị cáo K, Đ theo cáo trạng truy tố.

[3] Đối với các bị cáo trong nhóm bị cáo Lê Hồng V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ việc bị cáo Nguyễn Văn L qua mua thuốc lá dẫn đến mâu thuẫn với chị Đỗ Thị T và Lê Hồng V, sau đó V điện thoại cho K thông báo tình hình, K nói Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ qua hỗ trợ, sau đó H điện thoại rủ Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K, Đ rủ thêm Phùng Thanh T, Trần Anh T và Nguyễn Đức L đến hỗ trợ...tại phiên toà các bị cáo trình bày lý do đến tiệm tạp hoá của V vào ngày 29/10/2021 là để giúp dọn dẹp tiệm tạp hoá bị nhóm bị cáo L đập phá, chứ không phải rủ đến đánh nhau. Xét lời trình bày trên của các bị cáo là không có cơ sở, bởi thời gian đầu khi sự việc xảy ra các bị cáo khai nhận sự việc (*lút lục 583 bị cáo Lê Hồng V “cầm cưa ra hỗ trợ đánh nhưng đông hơn”; bút lục 639 Phan Thanh H “K nói nhờ Đ kêu người qua hỗ trợ sau”; bút lục 667 Dương Văn K “ H kêu cầm hung khí”; bút lục 1610 Trần Anh T “ mang hung khí để phòng có đánh, đánh trả”; bút lục 1612 Nguyễn Thành Đ “phụ giúp đánh, cầm hung khí nếu bị đánh thì đánh trả”; “khi T nói bọn nó kìa tăng ga, biết L , T chạy đánh đã chạy theo hỗ trợ chưa kịp đánh thì bị đuổi” bút lục 1614 Phan Thanh H “K điện thoại kêu người đến hỗ trợ, H điện thoại Đ, K” “T, L nói có bọn nó kìa; H chạy theo T, Đ hỗ trợ” “hỗ trợ đánh đuổi nhóm kia”; bút lục 1616 Lại Huỳnh Đ “hỗ trợ đánh nhóm bên kia” ; “mục đích đi tìm lại chỗ H là để xem đồng bọn của tôi ra sao và để hỗ trợ đồng bọn đánh lại nhóm bên kia”; bút lục 1618 Dương Văn K“H nói mang hung khí đến liền, đã về lấy 01 cây mã tấu dài 60 cm, 02 con dao mào cán nhựa (01 dao để cốp xe, 01 dao để chỗ gác chân xe có gì sử dụng đánh”... *

[3.1] Như vậy, sâu chuỗi lại lời khai các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa mặc dù các bị cáo tránh né việc bàn bạc việc đánh nhóm bị cáo L vào ngày 29/10/2021 nhưng Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc các bị cáo nói chuyện, điện thoại rủ và thông báo cho nhau và chuẩn bị sẵn hung khí mang theo, đến tiệm tạp hoá của V để đánh nhóm bị cáo L, việc các bị cáo khai mang theo hung khí như dao, xẻng, súng điện, dao mèo, mã tấu ...để tự vệ, xuống dọn dẹp đồ chỗ tiệm tạp hoá của V bị đập phá là không có cơ sở.

[3.2] Các bị cáo chuẩn bị hung khí, mục đích đi đánh nhóm L, hành vi trên dẫn đến hậu quả làm Trần Kim B bị thương tích 12%, Nguyễn Trung T bị thương tích 10% sự việc còn gây mất trật tự an ninh, an toàn khu dân cư, ảnh hưởng trật tự trị an. Do vậy, cáo trạng truy tố các bị cáo trong nhóm bị cáo V về tội danh “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Võ Hoàng H, Nguyễn Trung T, Phùng Thanh T, Nguyễn Trung H chưa được xóa án tích các lần phạm tội trước. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.1] Các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Trần Ngọc T, Lê Hồng V, Lê Hồng K, Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K, Mạc Đăng X, Trần Kim B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo trong vụ án thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Lê Hồng K, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Dương Văn K, Mạc Đăng X đã ra đầu thú.

[5.1] Các bị cáo Lê Hồng K, Lê Hồng V, Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tuy các bị hại từ chối nhận, nhưng cũng được xem xét bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị cáo Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phan Thanh H đã trực tiếp nộp tiền bồi thường cho bị hại Trần Kim B; quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thành Đ đã tác động để đưa Nguyễn Đức L đang bị truy nã ra đầu thú. Vì vậy xem xét bị cáo Đ có thêm tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án”; bị cáo V, K có cha ruột (ông Lê Văn L) được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; Bị hại Trần Kim B, Nguyễn Trung T, Lê Hồng V cũng là bị cáo trong vụ án xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị hại Nguyễn Thành Đ cũng là bị cáo trong vụ án xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo trong vụ “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Văn L có anh ruột (Nguyễn Ngọc T) là liệt sỹ; bị cáo Trần Ngọc T, Lại Huỳnh Đ, Nguyễn Thành Đ có thời gian nhất định phục vụ trong quân đội và đều được tặng thưởng giấy khen.

Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo L, Trần Ngọc T, V, Lê Hồng K, H, Đ, Trần Anh T, Đ, Dương Văn K, B có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự các bị cáo nhất thời phạm tội. Các bị cáo Nguyễn Trung H, Phùng Thanh T, Nguyễn Trung T, Nguyễn Hoàng M, Võ Hoàng H, Huỳnh Quốc V có nhân thân xấu thể hiện có tiền án, đã bị xét xử bằng pháp luật hình sự. Lần phạm tội này thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật của các bị cáo.

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Tất cả các bị cáo trong vụ án phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 7 năm tù, bị cáo Nguyễn Trung T, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X, Huỳnh Quốc V, Lê Hồng K, Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T phạm cùng lúc 02 tội, bị cáo Nguyễn Hoàng M phạm cùng 01 lúc 3 tội. Tất cả các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhưng các bị cáo chuẩn bị hung khí huy động nhiều người đi đánh người mâu thuẫn với mình đã thể hiện sự coi thường pháp luật, sự manh động liều lĩnh của các bị cáo. Ngoài ra địa điểm các bị cáo thực hiện tội phạm là nơi công cộng, gây ra sự hoảng sợ náo loạn cho cư dân sinh sống khu vực các bị cáo phạm tội, hành vi trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Trong vụ án giữa nhóm bị cáo L và nhóm bị cáo V có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo trong vụ án đều là người thực hành trong vụ án. Hội đồng xét xử xem xét vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt phù hợp.

[9] Xét, về tội “Cố ý gây thương tích” đối với các bị cáo Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T. “Tội gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo Đ. Thương tích bị hại Trần Kim B 12% thương tật, do bị cáo Lê Hồng K là người trực tiếp gây ra. Các bị cáo V, Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T tham gia với vai trò giúp sức. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo V, Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T.

[10] Đối với bị cáo Nguyễn Trung H đang chấp hành hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 292 ngày 8/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Dĩ An. Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H chấp hành chung.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

[11.1] Lê Hồng V và chị Đỗ Thị T, không yêu cầu bồi thường về tài sản thiệt hại do bị đập phá. Bị hại V không yêu cầu bồi thường do bị thương tích; bị hại Nguyễn Trung T không yêu cầu bồi thường về thương tích. Nguyễn Thành Đ, Trương Kim Thanh T không yêu cầu bồi thường về xe mô tô bị thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[11.2] Đối với Trần Kim B tại phiên toà đồng ý nhận bồi thường số tiền các bị cáo đã bồi thường gồm Lê Hồng K 10.000.000 đồng, Lê Hồng V 5000.000 đồng, Nguyễn Thành Đ 3.000.000 đồng, Trần Anh T 2.000.000 đồng, Phan Thanh H 2.000.000 đồng. Do vậy hội đồng xét xử ghi nhận.

[11.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V nộp số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường cho Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ. V, Đ từ chối nhận. Do vậy, trả khoản tiền trên cho L, V.

[11.4] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ vật chứng gồm: 01 lưỡi kiếm tự chế bằng kim loại dài 40cm bị gãy; 01 cán kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 vỏ kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 cây xẻng bằng sắt dài 70 cm cán màu đen; 02 con dao tự chế (dao mèo) lưỡi bằng kim loại dài 40cm cán nhựa màu trắng; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 30cm cán bằng sắt; 01 cái cưa cán bằng nhựa màu vàng đen (bị gãy) dài 50 cm; 01 cây mã tấu dài 70cm cán bằng sắt; 01 cây kiếm Nhật lưỡi bằng kim loại dài 80cm cán bằng nhựa màu đen; 01 con dao loại dao chặt dừa, cán bằng sắt dài khoảng 30 cm; 01 cây gậy 03 khúc, 02 tuýp sắt dài khoảng 60 cm, 01 tuýp sắt dài khoảng 40 cm; nhiều mảnh kính vỡ; 04 cục gạch ống; 01 khẩu súng điện và 02 viên đạn; nhiều mảnh nhựa nhựa bị vỡ. Các sim số điện thoại 0325.690.xxx; 0797.887.xxx; 0345.671.xxx; 0903.065.xxx và 0909.636.xxx các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Cần tịch thu tiêu hủy

[11.5] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx màu trắng của bị cáo Nguyễn Thành Đ và chị Trương Kim Thanh T. Bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu 1/2 giá trị và trả chị T 1/2 giá trị

[11.6] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại Iphone X Max màu trắng (bị vỡ màn hình); 01 điện thoại Trung Quốc nhãn hiệu Vertu; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xám

+ Trả lại bị cáo Lê Hồng K 01 xe mô tô nhãn hiệu Vespa biển số 61C1-833.xx.

[12] Đối với bài bào chữa của Luật sư cho Lê Hồng V, Lê Hồng K đưa các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy được chấp nhận, riêng các quan điểm khác không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, không được chấp nhận.

[13] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân,

trách nhiệm bồi thường dân sự cũng như việc xử lý vật chứng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[13.1] Riêng mức hình phạt đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đối với bị cáo Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Nguyễn Trung T phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[13.2] Mức hình phạt đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo Nguyễn Hoàng M phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[13.3] Mức hình phạt đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H, Trần Ngọc T, Nguyễn Trung T, Lê Hồng V, Lê Hồng K, Phan Thanh H, Nguyễn Thành Đ, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Lại Huỳnh Đ, Dương Văn K, Mạc Đăng X, Trần Kim B. Tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Trần Ngọc T, Mạc Đăng X. Đại diện Viện kiểm sát đưa ra có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử mức hình phạt các bị cáo đối với tội danh trên thấp hơn so với mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[14] Án phí sơ thẩm: Tất cả các bị cáo trong vụ án phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2024/HSST ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1.1 Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Mười hai), sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Dương. Thường trú: khu phố T, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Lái xe

1.2 Trần Kim B, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Dương; Thường trú: Khu phố X, phường V, thành phố C, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Công nhân

1.3 Nguyễn Trung T, sinh năm 1996 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp H, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không.

1.4 Mạc Đăng X, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: đường X, khu phố B, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không

1.5 Huỳnh Quốc V, sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: khu phố B, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không

1.6 Võ Hoàng H, sinh năm 1999 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố Đ, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không

1.7 Trần Ngọc T, sinh năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương

1.8 Nguyễn Trung H, sinh năm 2001 tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không.

Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố về tội

“Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố các bị cáo

+ Nguyễn Văn L; Trần Kim B phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H; Trần Ngọc T; Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Nguyễn Trung H phạm các tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định khoản 1 Điều 178 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

+ Nguyễn Hoàng M phạm các tội “Cố ý gây thương tích”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134, điểm g khoản 2 Điều 178 và điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự .

+ Lê Hồng K, Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T phạm các tội “Cố ý gây thương tích”, “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

+ Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng

2.1. Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 4 (bốn) tháng 21 (hai một) ngày tù , thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Nguyễn Văn L nếu bị cáo L không bị tạm giữ, bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2.2 Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù

Khoản 1 Điều 178, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc V 07 (bảy) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021.

2.3. Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Hoàng H 02 (hai) năm 4 (bốn) tháng tù

Khoản 1 Điều 178; Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Hoàng H 09 (chín) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm tù

Khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 06 (sáu) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021

2.5. Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Điểm d khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M 02 (hai) năm tù

Điểm g khoản 2 Điều 178, Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M 02 (hai) năm tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021

2.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 02 (hai) năm 4 (bốn) tháng tù

Khoản 1 Điều 178, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 09 (chín) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2022

2.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng V 02 (hai) năm tù

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng V 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2021

2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng K 02 (hai) năm tù

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng Kh 02 (hai) năm tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021

2.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh H 02 (hai) năm tù

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 29/4/2022.

2.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù

Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 (một) năm tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 28/01/2022

2.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh T 02 (hai) năm tù

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến ngày 19/3/2022

2.12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Thanh T 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù

+ Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Thanh T 02 (hai) năm tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021.

2.13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lại Huỳnh Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù

tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến 18/01/2022,

2.14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/10/2021 đến 05/01/2022

2.15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mạc Đăng X 02 (hai) năm tù .

+ Khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mạc Đăng X 06 (sáu) tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo X phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2022

2.16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Kim B 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam 21/02/2022

Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Trần Kim B nếu bị cáo Bảo không bị tạm giữ, bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2.17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

+ Khoản 1 Điều 178; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt tù tại bản án số 292 ngày 20/3/2023. Buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023

3. Các biện pháp tư pháp.

3.1 Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo sau đây bồi thường cho bị hại Trần Kim B số tiền:

Lê Hồng K 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Lê Hồng V 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), Nguyễn Thành Đ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); Trần Anh T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Phan Thanh H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)

Số tiền gia đình bị cáo K, V nộp; các bị cáo Đ, T và H nộp tại biên lai các số 0002263 và 0002264 ngày 26/9/2023; 0001014 ngày 22/02/2024; 0001019 ngày 26/02/2024 và 0001022 ngày 28/02/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được chi trả bồi thường cho bị hại Trần Kim B.

3.2 Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 1/2 (một phần hai) trị giá xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx màu trắng

+ 01 điện thoại Iphone X Max màu trắng (bị vỡ màn hình); 01 điện thoại Trung Quốc nhãn hiệu Vertu; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại Nokia 105 TA 1203 màu xám.

3.3 Trả lại số tài sản:

+ Bị cáo Lê Hồng K 01 xe mô tô nhãn hiệu Vespa biển số 61C1-833.xx.

+ Chị Trương Thị Kim T ½ (một phần hai) giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển số 59X3-455.xx.

+ Số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Quốc V (theo lệnh thanh toán tiền mặt giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thành phố Dĩ An Sóng Thần với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 08/9/2022)

3.4 Tịch thu tiêu hủy:

+ Các sim số điện thoại 0325.690.xxx; 0797.887.xxx ; 0345.671.xxx; 0903.065.xxx và 0909.636.xxx.

+ 01 lưỡi kiếm tự chế bằng kim loại dài 40cm bị gãy; 01 cán kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 vỏ kiếm tự chế bằng gỗ màu đen; 01 cây xẻng bằng sắt dài 70 cm cán màu đen; 02 con dao tự chế (dao mổ) lưỡi bằng kim loại dài 40cm cán nhựa màu trắng; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 30cm cán bằng sắt; 01 cái cưa cán bằng nhựa màu vàng đen (bị gãy) dài 50 cm; 01 cây mã tấu dài 70cm cán bằng sắt; 01 cây kiếm Nhật lưỡi bằng kim loại dài 80cm cán bằng nhựa màu đen; 01 con dao loại dao chặt dừa, cán bằng sắt dài khoảng 30 cm; 01 cây gậy 03 khúc, 02 tuýp sắt dài khoảng 60 cm, 01 tuýp sắt dài khoảng 40 cm; nhiều mảnh kính vỡ; 04 cục gạch ống; 01 khẩu súng điện và 02 viên đạn; nhiều mảnh nhựa nhựa bị nát.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/9/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14

Các bị cáo Nguyễn Văn L; Trần Kim B; Huỳnh Quốc V, Võ Hoàng H; Trần Ngọc T; Nguyễn Trung T, Mạc Đăng X, Nguyễn Trung H, Nguyễn Hoàng M, Lê Hồng K, Lê Hồng V, Nguyễn Thành Đ, Phan Thanh H, Trần Anh T, Phùng Thanh T, Dương Văn K, Lại Huỳnh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Chi cục THA dân sự Thành phố;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- VKS tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; người có quyền lợi nvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh